

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CỦA CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

kèm theo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * **Fax:** (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn * **Website:** www.cpahanoi.com

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 63280815. Fax: (04) 33560838

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4-5
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010	6-7
Báo cáo kết quả HĐKD 6 tháng đầu năm 2010	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2010	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010	10-23

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 63280815. Fax: (04) 33560838

đính kèm Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty CP Công trình giao thông Sông Đà

Công ty Cổ phần Công trình giao thông Sông Đà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000154 cấp lần đầu ngày 02/04/2004, thay đổi kinh doanh lần thứ ba ngày 16/06/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là: **25.000.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Tên viết tắt: **SONG DA TC.JSC**

Trụ sở chính: Km 10 đường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Điện thoại: **(04) 63 280 815.**

Fax: **(04) 33 560 838**

Các đơn vị trực thuộc công ty

Trụ sở

- | | |
|--------------------------------------|---|
| 1. Văn phòng công ty | Km 10 - Nguyễn Trãi - Hà Đông - Hà Nội |
| 2. Chi nhánh Hà Nội | Số 8 nhà H3A - Thanh Xuân - Hà Nội. |
| 3. Chi nhánh Công ty CP GTCT Sông Đà | Xã Trung Mỹ - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc |
| 4. Chi nhánh Biên Hoà | 3/M3 KP1 P Long Bình Tân - Biên Hoà - Đồng Nai. |

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

- Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông;
- Thi công lắp đặt các công trình giao thông đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện; Kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải;
- Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV;
- Sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình;
- Sản xuất gạch ngói, đá ốp lát, tấm lợp;
- Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng;
- Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, trang trí nội thất;
- Nạo vét và bồi đắp mặt đường nền móng công trình;
- Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Sửa chữa xe máy, thiết bị;
- Đầu tư các công trình thủy điện vừa và nhỏ./.

A. Hội đồng quản trị:

Ông Lê Văn Giang	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Cương	Ủy viên
Ông Nguyễn Quốc Doanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Sinh	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Hoan	Ủy viên

B. Ban kiểm soát:

Ông Trần Văn Trường	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đình Thảo	Ủy viên
Ông Lê Thế Văn	Ủy viên

C. Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Hà Văn Định	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Tiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Nghĩa	Kế toán trưởng

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2010 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI)

3. Tại Báo cáo này Ban Tổng Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2010 đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và Quy định hiện hành về Kế toán có liên quan;

4. Các thông tin khác liên quan

Ngoài các sự kiện đã nêu trên và trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính soát xét.

Đại diện

Công ty CP Công trình giao thông Sông Đà



Tổng giám đốc

Hoàng Văn Hoan

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2010

Số: 1042/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010
của Công ty cổ phần Công trình giao thông Sông Đà*

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Công trình giao thông Sông Đà cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 06 đến trang 23 kèm theo. Báo cáo tài chính này đã được lập phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại mục II, III và IV trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 02 và 03, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là tiến hành kiểm tra và đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả soát xét và sau đó báo cáo với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

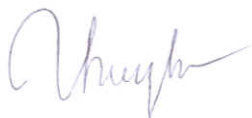
Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì Báo cáo tài chính của Công ty CP Công trình giao thông Sông Đà đã:

- a) Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/06/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010;
- b) Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành về Kế toán có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty CP Công trình giao thông Sông Đà giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

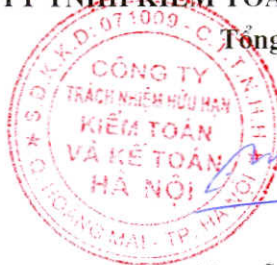
Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Phấn

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0928/KTV

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0132/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

				Đơn vị tính: VND
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79,947,807,846	57,616,530,673
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13,252,711,064	10,096,381,647
1. Tiền	111	V.01	13,252,711,064	10,096,381,647
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
III. Các khoản phải thu	130		35,150,145,824	34,294,231,760
1. Phải thu khách hàng	131		28,345,650,782	28,703,106,232
2. Trả trước cho người bán	132		5,022,649,678	1,241,607,286
3. Các khoản phải thu khác		V.03	2,031,062,859	4,598,735,737
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(249,217,495)	(249,217,495)
IV. Hàng tồn kho	140		27,488,722,562	10,216,505,119
1. Hàng tồn kho	141	V.04	27,488,722,562	10,216,505,119
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,056,228,396	3,009,412,147
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,497,735,691	824,608,527
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,558,492,705	2,184,803,620
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22,638,048,704	20,127,256,912
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
II. Tài sản cố định	220		18,248,415,290	17,752,558,258
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	17,231,264,290	14,558,213,562
- Nguyên giá	222		39,213,794,508	34,771,445,242
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(21,982,530,218)	(20,213,231,680)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	857,151,000	1,102,467,615
- Nguyên giá	228		1,471,918,141	1,471,918,141
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(614,767,141)	(369,450,526)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	160,000,000	2,091,877,081
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,300,020,020	1,300,020,020
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1,300,020,020	1,300,020,020
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,089,613,394	1,074,678,634
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2,999,613,394	1,024,678,634
2. Tài sản dài hạn khác	268		90,000,000	50,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		102,585,856,550	77,743,787,585

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

(Tiếp theo)

				Đơn vị tính: VNĐ
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		63,429,727,231	40,575,813,633
I. Nợ ngắn hạn	310		61,188,140,069	38,916,864,712
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	1,284,199,620	1,664,833,570
2. Phải trả người bán	312		13,569,060,870	14,308,425,940
3. Người mua trả tiền trước	313		18,836,165,236	6,540,632,345
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3,589,550,015	4,200,888,780
5. Phải trả công nhân viên	315		4,942,653,772	2,551,514,258
6. Chi phí phải trả	316	V.17	5,608,626,653	198,708,925
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	11,973,287,091	8,413,895,646
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		934,000,000	934,000,000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	321		450,596,812	103,965,248
II. Nợ dài hạn	330		2,241,587,162	1,658,948,921
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	2,069,198,148	1,519,198,148
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		172,389,014	139,750,773
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39,156,129,319	37,167,973,952
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	39,156,129,319	37,167,973,952
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25,181,000,000	25,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,976,200,000	2,940,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3,571,799,151	2,181,064,606
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		706,760,067	947,547,266
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		907,572,575	524,256,793
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		5,812,797,526	5,575,105,287
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí Dự án	432	V.23	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		102,585,856,550	77,743,787,585

Kế toán trưởng



Ngô Văn Nghĩa

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Tổng giám đốc




Hoàng Văn Hoan

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ
Địa chỉ: Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, TP Hà Nội
Điện thoại: (04) 63280815. Fax: (04) 33560838

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24,416,446,407	17,970,417,960	37,654,036,107	30,199,178,937
2. Các khoản giảm trừ	03	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	24,416,446,407	17,970,417,960	37,654,036,107	30,199,178,937
4. Giá vốn hàng bán	11	15,948,697,619	12,479,220,913	25,066,422,321	20,776,580,055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20	8,467,748,788	5,491,197,047	12,587,613,786	9,422,598,882
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	195,944,093	499,002,247	387,047,860	662,491,772
7. Chi phí tài chính	22	927,289,047	(101,749,048)	1,384,218,066	473,588,983
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	927,289,047	-	1,384,218,066	-
8. Chi phí bán hàng	24	798,860,364	393,385,238	1,486,851,661	652,745,971
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2,588,701,387	2,215,731,565	3,778,776,000	3,647,306,902
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	4,348,842,083	3,482,831,539	6,324,815,919	5,311,448,798
11. Thu nhập khác	31	3,300,000	1	3,300,000	1
12. Chi phí khác	32	-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác	40	3,300,000	1	3,300,000	1
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4,352,142,083	3,482,831,540	6,328,115,919	5,311,448,799
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1,088,083,900	870,707,885	1,582,028,978	1,267,861,400
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3,264,058,183	2,612,123,655	4,746,086,941	4,043,587,399
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1,296	1,375	1,892	2,128

Kế toán trưởng



Ngô Văn Nghĩa

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Tổng giám đốc



Hoàng Văn Hoan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		54,855,004,593	30,415,205,369
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(19,916,220,162)	(11,679,446,825)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7,825,061,320)	(5,432,730,095)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(81,241,359)	(389,630,286)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(917,302,124)	(958,335,292)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		75,515,278,983	36,403,914,208
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(93,669,519,176)	(39,554,739,526)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7,960,939,435	8,804,237,553
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	6,7, 8,11	(4,193,497,266)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		402,321,198	662,491,772
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3,791,176,068)	662,491,772
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	21	217,200,000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	21	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,484,199,620	471,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,714,833,570)	(5,370,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	(2,000,000,000)	(3,420,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,013,433,950)	(8,319,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3,156,329,417	1,147,729,325
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10,096,381,647	3,631,967,151
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	29	13,252,711,064	4,779,696,476

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng

Ngô Văn Nghĩa



Tổng giám đốc

Hoàng Văn Hoan

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Công trình giao thông Sông Đà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000154 cấp lần đầu ngày 02/04/2004, thay đổi kinh doanh lần thứ ba ngày 16/06/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là: **25.000.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính: Km 10 đường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và xây lắp.**3. Ngành nghề kinh doanh**

- * Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông;
- * Thi công lắp đặt các công trình giao thông đường bộ;
- * Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện; Kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải;
- * Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV;
- * Sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình;
- * Sản xuất gạch ngói, đá ốp lát, tấm lợp;
- * Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng;
- * Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, trang trí nội thất;
- * Nạo vét và bồi đắp mặt đường nền móng công trình;

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:
Chúng tôi, Công ty CP Công trình giao thông Sông Đà, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên phần mềm máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).**2.3. Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho:** Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính**

- Tài sản cố định của Công ty được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**4.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** của Công ty bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay có thời hạn thu hồi dưới 01 năm được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi hoặc cho vay.**4.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** Công ty không phát sinh khoản đầu tư dài hạn nào.**4.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:** Không phát sinh**5 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

- * Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- * Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:
 - Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
 - Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

7 Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

- 7.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- 7.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.
- 7.3 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: được trích bằng 3% quỹ lương làm cơ sở đóng Bảo hiểm xã hội.

8 Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp hoặc từ các chủ sở hữu góp vốn.

9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

9.1 Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

9.2 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

13 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
- * Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm. Khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

13.2 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

— Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- * Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- * Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.
Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

13.3 Các nghĩa vụ về thuế:

- * Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: VND)

1. Tiền	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
- Tiền mặt	2,153,227,920	887,351,779
Cơ quan công ty	680,176,682	173,018,955

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 63280815. Fax: (04) 33560838

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010

đến ngày 30/06/2010

Chi nhánh công ty CP CTGT Sông Đà	801,195,019	589,954,341
Chi nhánh Hà Nội	129,036,501	52,037,133
Chi nhánh Biên Hòa	542,819,718	72,341,350
- Tiền gửi Ngân hàng	11,099,483,144	9,209,029,868
+ <i>Tiền gửi Việt Nam đồng</i>	<i>11,099,483,144</i>	<i>9,209,029,868</i>
Cơ quan công ty	9,187,768,553	6,463,970,827
Chi nhánh Công ty CP CTGT Sông Đà	1,809,932,309	2,014,133,253
Chi nhánh Hà Nội	99,957,681	4,009,484
Chi nhánh Biên Hòa	1,824,601	726,916,304
+ <i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	-	-
Cộng	13,252,711,064	10,096,381,647
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn : 0		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
- <i>Phải thu BHXH, BHYT & BHTN</i>	71,460,730	29,755,731
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>1,959,602,129</i>	<i>4,568,980,006</i>
Cơ quan công ty	907,230,494	509,867,923
Chi nhánh Công ty CP CTGT Sông Đà	81,733,440	14,427,440
Chi nhánh Hà Nội	25,391,458	4,036,236,643
Chi nhánh Biên Hòa	945,246,737	8,448,000
Cộng	2,031,062,859	4,598,735,737
4. Hàng tồn kho	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
- <i>Nguyên liệu, vật liệu</i>	<i>2,222,260,572</i>	<i>1,975,673,966</i>
Cơ quan công ty	1,700,000	1,700,000
Chi nhánh Công ty CP CTGT Sông Đà	2,007,453,377	1,507,896,112
Chi nhánh Hà Nội	203,411,140	393,011,855
Chi nhánh Biên Hòa	9,696,055	73,065,999
- <i>Công cụ, dụng cụ</i>	<i>7,385,786</i>	<i>15,015,256</i>
Chi nhánh Công ty CP CTGT Sông Đà	7,385,786	15,015,256
Chi nhánh Biên Hòa	-	-
- <i>Chi phí SX, KD dở dang</i>	<i>24,427,803,784</i>	<i>7,246,710,342</i>
Cơ quan công ty	4,582,446,514	853,180,833
Chi nhánh Công ty CP CTGT Sông Đà	390,005,813	449,662,365
Chi nhánh Hà Nội	9,551,974,272	5,432,198,177
Chi nhánh Biên Hòa	9,903,377,185	511,668,967
- <i>Thành phẩm</i>	<i>831,272,420</i>	<i>979,105,555</i>
Chi nhánh Công ty CP CTGT Sông Đà	831,272,420	979,105,555
Cộng	27,488,722,562	10,216,505,119

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010

Điện thoại: (04) 63280815. Fax: (04) 33560838

đến ngày 30/06/2010

5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
- Thuế thu, nộp thừa	1,497,735,691	824,608,527
Thuế GTGT	1,497,735,691	824,608,527
Cộng	1,497,735,691	824,608,527
6. Phải thu dài hạn nội bộ: 0		
7. Phải thu dài hạn khác : 0		

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty CP Công trình giao thông Sông Đà

Địa chỉ: Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 63280815. Fax: (04) 33560838

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010

đến ngày 30/06/2010

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	956,977,231	26,351,004,989	7,322,638,072	140,824,950	34,771,445,242
- Mua trong kỳ	-	4,379,160,176		63,189,090	4,442,349,266
- XDCB hoàn thành					-
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	956,977,231	30,730,165,165	7,322,638,072	204,014,040	39,213,794,508
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	894,095,231	14,352,758,587	4,862,721,723	103,656,139	20,213,231,680
- Khấu hao trong kỳ	3,666,000	1,406,017,539	343,694,972	15,920,027	1,769,298,538
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	897,761,231	15,758,776,126	5,206,416,695	119,576,166	21,982,530,218
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	62,882,000	11,998,246,402	2,459,916,349	37,168,811	14,558,213,562
- Tại ngày cuối kỳ	59,216,000	14,971,389,039	2,116,221,377	84,437,874	17,231,264,290

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính: 0

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Chi phí đền bù hoa màu	TSCĐ vô hình khác		Cộng
Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	1,471,918,141	-		1,471,918,141
2. Số tăng trong kỳ	-	-		-
- Mua trong kỳ	-	-		-
- Tăng khác	-	-		-
3. Số giảm trong kỳ	-	-		-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-		-
- Giảm khác	-	-		-
4. Số dư cuối kỳ	1,471,918,141	-		1,471,918,141
Giá trị hao mòn lũy kế				-
1. Số dư đầu năm	369,450,526			369,450,526
2. Số tăng trong kỳ	245,316,615	-		245,316,615
- Khấu hao trong kỳ	245,316,615			245,316,615
- Tăng khác	-	-		-
3. Số giảm trong kỳ	-	-		-
- Thanh lý, nhượng bán		-		-
- Giảm khác	-	-		-
4. Số dư cuối kỳ	614,767,141	-		614,767,141
Giá trị còn lại				-
1. Tại ngày đầu năm	1,102,467,615	-		1,102,467,615
2. Tại ngày cuối kỳ	857,151,000	-		857,151,000

11. Chi phí XDCB dở dang

	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
- Tổng số chi phí XDCB dở dang	160,000,000	2,091,877,081
Mua sắm TSCĐ		1,854,490,003
Xây dựng cơ bản dở dang	160,000,000	-
Sửa chữa lớn TSCĐ		237,387,078
Cộng	160,000,000	2,091,877,081

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư: 0

13. Đầu tư dài hạn khác

	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
- Đầu tư trái phiếu		
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		
- Cho vay dài hạn		
- Đầu tư dài hạn khác	1,300,020,020	1,300,020,020
Cổ phiếu công ty CP Sông Đà 2	20,020	20,020

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty CP Công trình giao thông Sông Đà

Địa chỉ: Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 63280815. Fax: (04) 33560838

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010

đến ngày 30/06/2010

Cổ phiếu công ty CP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2	1,000,000,000	1,000,000,000
Cổ phiếu công ty CP ĐTĐT & Khu CN Sông Đà 7	300,000,000	300,000,000
Cộng	1,300,020,020	1,300,020,020
14. Chi phí trả trước dài hạn	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
Văn phòng Hà Nội	186,013,173	232,840,524
Chi nhánh công ty CP CTGT Sông Đà	138,066,441	129,354,000
Chi nhánh Hà Nội	1,157,608,751	354,129,792
Chi nhánh Biên Hòa	1,517,925,029	308,354,318
Cộng	2,999,613,394	1,024,678,634
15. Vay và nợ ngắn hạn	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
a. Vay ngắn hạn	1,284,199,620	1,664,833,570
Ngân hàng ĐT&PT Hà Tây	1,284,199,620	1,664,833,570
b. Nợ dài hạn đến hạn trả		
16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
- Thuế GTGT phải nộp	223,772,856	1,487,526,636
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		-
- Thuế xuất, nhập khẩu		-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,140,164,333	2,475,437,479
- Thuế thu nhập cá nhân	22,214,926	8,111,777
- Thuế tài nguyên	33,391,790	44,082,768
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	121,796,220	113,886,220
- Các loại thuế khác		-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	48,209,890	71,843,900
Cộng	3,589,550,015	4,200,888,780
17. Chi phí phải trả	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
Văn phòng công ty	4,698,708,925	198,708,925
CN Hà Nội	96,285,000	-
Chi nhánh Biên Hòa	813,632,728	
Cộng	5,608,626,653	198,708,925
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
* Kinh phí công đoàn	253,366,010	246,367,849
* Bảo hiểm xã hội, BHYT	-	63,228,617
* Các khoản phải trả, phải nộp khác	11,719,921,081	8,104,299,180
Văn phòng công ty	6,912,983,452	8,067,543,441
CN Công ty CP CTGT Sông Đà	39,748,007	14,294,102
CN Hà Nội	23,318,816	22,461,637
Chi nhánh Biên Hòa	4,743,870,806	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty CP Công trình giao thông Sông Đà
 Địa chỉ: Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, TP Hà Nội
 Điện thoại: (04) 63280815. Fax: (04) 33560838

Thuyết minh Báo cáo tài chính
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
 đến ngày 30/06/2010

Cộng	11,973,287,091	8,413,895,646
19. Phải trả dài hạn nội bộ: 0		
20. Vay và nợ dài hạn	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
a. Vay dài hạn	2,069,198,148	1,519,198,148
Vay các đối tượng	2,069,198,148	1,519,198,148
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1,519,198,148	1,519,198,148
Ngân hàng ĐT&PT Hà Tây	550,000,000	-
b. Nợ dài hạn		-
Cộng	2,069,198,148	1,519,198,148

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả: 0

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty CP Công trình giao thông Sông Đà

Địa chỉ: Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 63280815. Fax: (04) 33560838

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010

đến ngày 30/06/2010

22. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Vốn khác thuộc vốn CSH	LN sau thuế chưa phân phối	Thặng dư vốn cổ phần	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	19,000,000,000	1,040,346,443	329,375,320	1,338,302,180	4,803,197,013	600,000,000	27,111,220,956
- Tăng vốn trong năm trước	6,000,000,000					2,400,000,000	8,400,000,000
- Lãi trong năm trước					7,666,315,639		7,666,315,639
- Tăng khác		749,963,249	194,881,473	842,762,426			
- Giảm vốn trong năm trước							
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-			
- Giảm khác	-	842,762,426	-	-	6,894,407,365	60,000,000	7,797,169,791
							-
2. Số dư cuối năm trước	25,000,000,000	947,547,266	524,256,793	2,181,064,606	5,575,105,287	2,940,000,000	37,167,973,952
3. Số dư đầu năm nay	25,000,000,000	947,547,266	524,256,793	2,181,064,606	5,575,105,287	2,940,000,000	37,167,973,952
- Tăng vốn trong kỳ này	181,000,000					36,200,000	217,200,000
- Lãi trong kỳ					4,746,086,941		4,746,086,941
- Tăng khác		1,149,947,346	383,315,782	1,390,734,545			2,923,997,673
- Giảm vốn trong kỳ này							-
- Lỗ trong kỳ							-
- Giảm khác		1,390,734,545			4,508,394,702		5,899,129,247
		-	-				-
4. Số dư cuối năm nay	25,181,000,000	706,760,067	907,572,575	3,571,799,151	5,812,797,526	2,976,200,000	39,156,129,319

22. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu 6 tháng đầu năm 2010

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	19,000,000,000	4,803,197,013	23,803,197,013
- Tăng vốn trong năm trước	6,000,000,000	-	6,000,000,000
- Lãi trong năm trước	-	7,666,315,639	7,666,315,639
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-
- Giảm khác	-	6,894,407,365	6,894,407,365
2. Số dư cuối năm trước	25,000,000,000	5,575,105,287	30,575,105,287
3. Số dư đầu năm nay	25,000,000,000	5,575,105,287	30,575,105,287
- Tăng vốn trong kỳ này	181,000,000	-	181,000,000
- Lãi trong kỳ	-	4,746,086,941	4,746,086,941
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-
- Giảm khác	-	4,508,394,702	4,508,394,702
4. Số dư cuối kỳ này	25,181,000,000	5,812,797,526	30,993,797,526

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
Công ty CP Sông Đà 2	11,500,000,000	11,500,000,000
Vốn góp của các cổ đông khác	13,681,000,000	13,500,000,000
Cộng	25,181,000,000	25,000,000,000
* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm	-	-
* Số lượng cổ phiếu quỹ:	-	-

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	25,000,000,000	25,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	181,000,000	
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ	25,181,000,000	25,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2,000,000,000	-

D. Cổ phiếu

	Ngày 30/06/2010	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	2,518,100	2,500,000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	2,518,100	2,500,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty CP Công trình giao thông Sông Đà

Địa chỉ: Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 63280815. Fax: (04) 33560838

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010

đến ngày 30/06/2010

+ *Cổ phiếu ưu đãi*

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

2,518,100

2,500,000

+ *Cổ phiếu phổ thông*

2,518,100

2,500,000

+ *Cổ phiếu ưu đãi*

-

-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 VND/ 1 Cổ phiếu

23. Nguồn kinh phí : 0**24. Tài sản thuê ngoài: 0****VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: VND)**

	06 tháng đầu năm 2010	06 tháng đầu năm 2009
25. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37,654,036,107	30,199,178,937
+ Doanh thu sản xuất công nghiệp	24,011,791,334	20,357,480,715
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng	12,441,030,103	8,843,552,393
+ Doanh thu bán hàng hoá, và dịch vụ	1,201,214,670	998,145,829
26. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37,654,036,107	30,199,178,937
28. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn sản xuất công nghiệp	14,517,904,415	12,255,241,584
Giá vốn hợp đồng xây dựng	9,352,846,545	7,672,822,319
Giá vốn hàng hoá và dịch vụ cung cấp	1,195,671,361	848,516,152
Cộng	25,066,422,321	20,776,580,055
29. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	387,047,860	40,769,132
Lãi đầu tư cổ phiếu	-	381,719,440
Cổ tức đầu tư chứng khoán	-	240,003,200
Cộng	387,047,860	662,491,772
30. Chi phí hoạt động tài chính		
Lãi tiền vay vốn	1,384,218,066	473,588,983
Cộng	1,384,218,066	473,588,983
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,582,028,978	1,267,861,400
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,582,028,978	1,267,861,400

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: 0**VII. Những thông tin khác****1. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

3. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

4. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	06 tháng đầu năm 2010	06 tháng đầu năm 2009
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	22.07%	25.89%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	77.93%	74.11%
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	61.83%	52.19%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	38.17%	47.81%
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1.62	1.92
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1.31	1.48
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.22	0.26

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



Ngô Văn Nghĩa



Tổng giám đốc

Hoàng Văn Hoan